ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ 10

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hợp quần xã hội đầu tiên của loài người là:
A. Bầy người nguyên thủy C. Bộ lạc
B. Thị tộc D. Công xã nguyên thủy
Câu 2. Công cụ lao động của Người tối cổ ứng với thời kì nào ?
A. Sơ kì đá cũ B. Sơ kì đá mới C. Trung kì đá mới D. Hậu kì đá mới
Câu 3. Cung tên là phát minh quan trọng của:
A. Vượn B. Vượn cổ C. Người tối cổ D. Người tinh khôn
Câu 4. Phương thức kiếm sống của Người tối cổ là:
A .Săn bắn, hái lượm C. Trồng trọt, chăn nuôi
B. Săn bắt, hái lượm D. Đánh bắt cá, làm gốm
Câu 5. Người tối cổ tự cải tiến mình, hoàn thiện mình từng bước nhờ:
A. Phát mình ra lửa C. Chế tạo đồ đá
B. Lao động D. Sự thay đổi của thiên nhiên
Câu 6. Sự khác nhau về màu da giữa các chủng tộc trên thế giới là biểu hiện sự khác nhau về:
A.Trình độ văn minh C. Đẳng cấp xã hội
B.Trình độ kinh tế D. Đặc điểm sinh học
Câu 7. Đâu được xem là phát minh quan trọng nhất, đầu tiên trong lịch sử loài người ?
A. Cung tên B. Lửa C. Đồ đồng D. Đồ sắt
Câu 8. Ngành chăn nuôi sơ khai xuất hiện từ:
A. Thời đá cũ B. Thời đá mới C. Thời đồ sắt D. Khi có lửa
Câu 9. Người tối cổ xuất hiện trong khoảng thời gian nào cách ngày nay ?
A. 4 triệu năm C. 6 triệu năm
B. 1 vạn năm D. 4 vạn năm
Câu 10. Kĩ thuật đồ đá, thời đá mới có gì mới ?
A. Ghè một mặt C. Ghè sắc và mài nhẵn
B. Ghè sắc D. Ghè đẽo thô sơ
Câu 11. Thị tộc hình thành khi xuất hiện
A. Vượn cổ B. Người tối cổ C. Người tinh khôn D. Xã hội có giai cấp
Câu 12. Cư dân biết sử dụng đồ sắt sớm nhất là:
A. Ấn Độ B. Ai Cập C. Tây Á và Ai Cập D. Nam Âu
Câu 13. Trong buổi đầu thời đại kim khí, công cụ nào sử dụng sớm nhất ?
A. Sắt B. Đồng thau C. Đồng đỏ D. Thiết
Câu 14. Ý nào **không** mô tả đúng tính cộng đồng của thị tộc thời nguyên thủy ?
A. Hợp tác lao động, làm chung, ăn chung.
B. Mọi của cải đều là của chung.
C. Hưởng thụ bằng nhau.
D. Sinh sống theo bầy đàn.
Câu 15. Đâu là loại công cụ khi xuất hiện được đánh giá không có gì so sánh được ?

A. Đá mới B. Cung tên C. Đồ đồng D. Đồ sắt

Câu 16. Gia đình phụ hệ xuất hiện khi nào ?

A. Cung tên xuất hiện C. Đồ sắt xuất hiện

B. Cách mạng đá mới D. Phát minh ra lửa

Câu 17. Trong xã hội nguyên thủy, sự bình đẳng được xem là "nguyên tắc vàng" vì: A. Mọi người cùng sống chung trong cộng đồng.

B. Phải dựa vào nhau bởi trình độ, đời sống còn quá thấp.

C. Là cách duy nhất để duy trì cuộc sống.

D. Đó là quy định của các thị tộc.

Câu 18. Ý nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của công cụ sắt ra đời ?

A. Dẫn tới sự hình thành nhà nước đầu tiên.

B. Đây thực sự là cuộc cách mạng trong sản xuất.

C. Lần đầu tiên trong lịch sử loài người làm ra một lượng sản phẩm thừa.

D. Phá vỡ nguyên tắc vàng của xã hội nguyên thủy.

Câu 19. Đâu là nghề chính của cư dân cổ đại phương Đông ?

A. Nông nghiệp trồng lúa nước. C. Thương nghiệp.

B. Thủ công nghiệp. D. Chăn nuôi.

Câu 20. Các tầng lớp chính trong xã hội cổ đại phương Đông là : A. Qúy tộc, quan lại, nông dân công xã.

B. Qúy tộc, nông dân công xã, nô lệ.

C. Chủ nô, nô lệ.

D. Nông dân công xã, nô lệ, quan lại.

Câu 21. Nguyên nhân chính dẫn đến sự liên kết, hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông là : A. Nhu cầu trị thủy và xây dựng các công trình thủy lợi.

B. Nhu cầu xây dựng các công trình lăng tẩm lớn.

C. Nhu cầu tự vệ, chống các thế lực ngoại xâm.

D. Nhu cầu hợp tác phát triển kinh tế.

Câu 22. Thiên văn học và lịch pháp là hai ngành khoa học ra đời sớm nhất ở phương Đông là do : A. Cúng tế các vị thần. C. Nhu cầu sản xuất nông nghiệp. B. Nhu cầu tìm hiểu vũ trụ và thế giới. D. Văn hóa bản địa sớm phát triển.

Câu 23. Yếu tố nào ảnh hưởng nhất đến sự ra đời sớm của các quốc gia cổ đại phương Đông ?

A. Kinh tế nông nghiệp C. Văn hóa, dân cư

B. Điều kiện tự nhiên D. Điều kiện kỹ thuật

Câu 24. Nhận xét nào **không** đúng về nền văn hóa cổ đại phương Đông ? A. Là cái nôi của văn minh nhân loại.

B. Có nhiều đóng góp cho nhân loại về chữ viết và toán học, thiên văn học…

C. Đặt nền tảng cho sự ra đời của các ngành khoa học về sau.

D. Thể hiện rõ tính tập quyền, chuyên chế của nhà nước.

Câu 25. Thành tựu văn hóa nào của cư dân cổ đại phương Đông có ý nghĩa nhất với văn minh nhân loại ?

A. Tôn giáo B. Chữ viết C. Kim tự tháp D. Vườn treo Babilon

Câu 26. Đâu **không** phải là nguyên nhân dẫn tới sự ra đời của các quốc gia cổ đại phương Đông ?

A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi C. Đồ sắt xuất hiện

B. Nhu cầu trị thủy D. Kinh tế nông nghiệp phát triển *Câu 27.* Đâu là loại công cụ khi xuất hiện được đánh giá không có gì so sánh được ?

A. Đá mới B. Cung tên C. Đồ đồng D. Đồ sắt

Câu 28. Tầng lớp nào giữ vai trò quan trọng nhất trong xã hội cổ đại phương Tây ?

A. Chủ nô B. Nô lệ C. Nông dân công xã D. Nông dân

Câu 29. Đê lốt và Pi rê là những địa danh nổi tiếng thời cổ đại vì :

A. Có nhiều xưởng thủ công lớn và hàng ngàn lao động.

B. Là trung tâm mua bán nô lệ lớn nhất thế giới.

C. Là vùng đất tranh chấp quyết liệt giữa các thị quốc cổ đại.

D. Là đất phát tích của các quốc gia cổ đại phương Tây. *Câu 30.* Bản chất của nền dân chủ cổ đại phương Tây là :

A. Dân chủ chủ nô C. Dân chủ nhân dân

B. Dân chủ tư sản D. Dân chủ quý tộc

Câu 31. Nền văn hóa cổ đại phương Tây phát triển không dựa trên cơ sở nào sau đây ? A. Nghề nông trồng lúa phát triển.

B. Nền kinh tế công thương phát triển.

C. Sử dụng công cụ sắt và nghề hàng hải sớm phát triển.

D. Thể chế dân chủ tiến bộ.

Câu 32. Trong thị quốc Địa Trung Hải quan trọng nhất là phải có :

A. Lâu đài B. Sân vận động C. Nhà hát D. Bến cảng

Câu 33. Thành tựu văn hóa nào của phương Tây cổ đại được đánh giá là một phát minh và cống hiến lớn lao cho văn minh nhân loại ? A. Sự ra đời của Lịch.

B. Sự ra đời của hệ thống chữ cái Rô-ma (A,B,C…)

C. Sự ra đời của khoa học.

D. Các công trình nghệ thuật đạt trình độ tuyệt mĩ.

Câu 34. Ý nào không phản ánh đúng nội dung dân chủ của thị quốc Địa Trung Hải ? A. Mọi công dân nam từ 21 tuổi trở lên đều tham gia Đại hội công dân.

B. Hội đồng 500 có vai trò như Quốc hội, bầu ra 10 viên chức điều hành.

C. Ở đây người ta không chấp nhận có vua.

D. Viện nguyên lão là cơ quan quyền lực quyết định mọi vấn đề của đất nước.

Câu 35. Nguồn gốc sâu xa dẫn đến hình thành thể chế dân chủ cổ đại ở Địa Trung Hải bắt nguồn từ yếu tố nào ?

A. Điều kiện kĩ thuật C. Điều kiện xã hội

B. Điều kiện tự nhiên D. Kinh tế công thương

Câu 36. Bốn phát minh kĩ thuật lớn của Trung Quốc là :

A. Giấy, in ấn, la bàn, ô tô C. Giấy, in ấn, la bàn, kiến trúc

B. Giấy, in ấn, la bàn, thuốc súng D. Giấy, in ấn, thuốc súng, toán học *Câu 37.* Đâu là một hình thức văn học phát triển thời Minh, Thanh ?

A. Tiểu thuyết chương hồi C. Thơ

B. Tiểu thuyết kiếm hiệp D. Kịch

Câu 38. Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan chống lại triều đại phong kiến Trung Quốc nào ?

A. Nhà Đường B. Nhà Tống C. Nhà Minh D. Nhà Thanh

Câu 39. Đâu là lĩnh vực nổi bật nhất của nền văn hóa Trung Quốc thời phong kiến ?

A. Tư tưởng B. Văn học C. Y học D. Kĩ thuật

Câu 40. Ở Trung Quốc thời phong kiến, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống vì:
A. Đây là hệ tư tưởng tiến bộ
C. Duy trì trật tự, kỉ cương xã hội
B. Có lợi cho giai cấp thống trị
D. Có lợi cho nhân dân
Câu 41. Thành tựu nào của Trung Quốc thời phong kiến được đánh giá là cống hiến lớn lao cho văn minh nhân loại ?
A. Nho giáo của Khổng Tử
C. Bốn phát minh lớn về kĩ thuật
B. Tiểu thuyết Minh, Thanh
D. Vạn lí trường thành
Câu 42. Đâu là điểm tiến bộ trong chế độ tuyển chọn quan lại dưới thời Đường so với các triều đại trước ? A. Tuyển chọn quan lại từ con em quý tộc.
B. Tuyển chọn cả con em địa chủ thông qua khoa cử.
C. Bãi bỏ chế độ tiến cử, tất cả đều phải qua thi cử.
D. Thông qua thi cử tự do cho mọi đối tượng.
Câu 43. Thời kì vương triều nào định hình và phát triển văn hóa truyền thống Ấn Độ ?
A. Ma-ga-đa B. Gúp-ta C. Đê-li D. Mô-gôn
Câu 44. Nhận định nào sau đây không đúng về vua A-sô-ca ?
A. Xây dựng đất nước hung cường.
B. Thống nhất gần hết bán đảo Ấn Độ.
C. Sáng lập và truyền bá đạo Phật rộng khắp Ấn Độ.
D. Truyền bá đạo Phật rộng khắp Ấn Độ.
Câu 45. Đạo Phật được truyền bá khắp Ấn Độ từ thời kì nào ?
A. Thời vua Bimbisara
C. Thời vương triều Gúp-ta
B. Thời vua A-sô-ca
D. Thời vương triều Hacsa
Câu 46. Những công trình kiến trúc rất đẹp gắn với đạo Phật ở Ấn Độ là:
A. Chùa B. Chùa hang C. Tượng phật D. Đền
Câu 47. Vương triều Gúp-ta có công lớn trong việc thống nhất Ấn Độ, **ngoại trừ** : A. Tổ chức kháng cự, không cho các tộc ở Trung Á xâm lấn.
B. Thống nhất miền Bắc Ấn Độ.
C. Thống nhất gần như toàn bộ miền Trung Ấn Độ.
D. Thống nhất các vùng, miền của Ấn Độ về tôn giáo.
Câu 48. Đâu không phải là một tôn giáo lớn ở Ấn Độ ?
A. Ki-tô giáo B. Phật giáo C. Hồi giáo D. Hin-đu giáo
Câu 49. Tôn giáo nào ở Ấn Độ bắt nguồn từ tín ngưỡng cổ xưa ?
A. Phật giáo B. Hin-đu giáo C. Hồi giáo D. Ki-tô giáo
Câu 50. Ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu sắc nhất của văn hóa truyền thống Ấn Độ ra bên ngoài là :
A. Chữ viết B. Kiến trúc C. Tôn giáo D. Văn học
Câu 51. Trong lịch sử trung đại Ấn Độ, vương triều nào được xem là giai đoạn thống nhất và thịnh vượng nhất ?
A. Vương triều Hồi giáo Đê-li
C. Vương triều Gúp-ta
B. Vương triều Hác-sa
D. Vương triều Mô-gôn
Câu 52. Vương triều Hồi giáo Đê-li buộc người dân không theo Đạo Hội phải nộp thuế nào sau đây ?
A. Thuế ngoại đạo B. Thuế đinh C. Thuế đất D. Thuế thủy lợi
Câu 53. Ai là người được nhân dân Ấn Độ suy tôn là "Đấng chí tôn" ?
A. A-sô-ca B. B-bua C. A-cơ-ba D. Gia-hang-ghi-a

Câu 54. Điểm giống nhau giữa vương triều Hồi giáo Đê-li và vương triều Mô-gôn là gì ? A. Đều là vương triều ngoại tộc.

B. Đều cai trị Ấn Độ theo hướng "Ấn Độ hóa".

C. Đều có những ông vua nổi tiếng nhất trong lịch sử Ấn Độ.

D. Đều thuộc giai đoạn phát triển nhất của Ấn Độ thời phong kiến. *Câu 55.* Nhận xét nào sau đây **không đúng** về vương triều Mô-gôn ? A. Xây dựng, củng cố đất nước theo hướng "Ấn Độ hóa".

B. Là thời kì phát triển thịnh trị nhất của chế độ phong kiến Ấn Độ.

C. Thực hiện chính sách phân biệt tôn giáo và sắc tộc.

D. Thực hiện chính sách khuyến khích và ủng hộ các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật.

Câu 56. Nhận xét nào sau đây **đúng** với vương triều Hồi giáo Đê-li ? A. Định hình và phát triển văn hóa truyền thống Ấn Độ.

B. Xây dựng và củng cố Ấn Độ theo hướng Ấn Độ hóa.

C. Bước đầu thúc đẩy sự giao lưu văn hóa Đông – Tây.

D. Là thời kì phát triển nhất trong lịch sử phong kiến Ấn Độ. *Câu 57.* Những chính sách của vương triều Mô-gôn đã:

A. Định hình và phát triển văn hóa truyền thống Ấn Độ.

B. Làm cho xã hội ổn định, kinh tế phát triển, văn hóa đạt nhiều thành tựu.

C. Làm cho mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt.

D. Thúc đẩy mạnh mẽ sự giao lưu văn hóa Đông – Tây.

Câu 58. Nửa sau thế kỉ XIX, Ấn Độ trở thành thuộc địa của nước thực dân nào ?

A. Pháp B. Bồ Đào Nha C. Hà Lan D. Anh

Câu 59. Ngành sản xuất chính của cư dân Đông Nam Á là :

A.Thủ công nghiệp C. Nông nghiệp

B. Thương nghiệp D. Chăn nuôi gia súc

Câu 60. Thời cổ đại, các quốc gia Đông Nam Á là khu vực : A. Bị chia cắt bởi các dãy núi, rừng và biển.

B. Bị chia cắt bởi nhiều đảo và biển.

C. Có những đồng bằng rộng lớn.

D. Có những thảo nguyên mênh mông.

Câu 61. Tại khu vực Đông Nam Á, người ta tìm thấy dấu vết của con người từ :

A. Thời kì vượn cổ C. Thời kì Người tinh khôn

B. Thời kì Người tối cổ D. Những năm đầu Công nguyên

Câu 62. Thời cổ đại, Đông Nam Á chịu ảnh hưởng đậm nét văn hóa của :

A. Trung Quốc B. Ấn Độ C. Hi Lạp – Rô-ma D. Lưỡng Hà

Câu 63. Quốc gia phong kiến "dân tộc" được hiểu là :

A. Lấy bộ tộc đông và phát triển nhất làm nòng cốt.

B. Có tinh thần dân tộc sâu sắc.

C. Có địa bàn rộng lớn và thống nhất.

D. Có thể chế chính trị là chế độ phong kiến.

Câu 64. Ý nào **không** phải là đặc điểm nổi bật của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á? A. Các quốc gia nhỏ, phân tán trên địa bàn hẹp.

B. Hình thành tương đối sớm.

C. Sống riêng rẽ, nhiều khi xảy ra tranh chấp với nhau.

D. Sớm đương đầu với sự xâm lấn của phương Bắc.

Câu 65. Ý nào **không** phản ánh đúng đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên của Campuchia thời cổ đại ? A. Nằm ở khu vực có đồng bằng rộng lớn.

B. Địa hình giống như một lòng chảo khổng lồ.

C. Xung quanh là rừng và cao nguyên.

D. Giữa là Biển Hồ với vùng phụ cận là những cánh đồng phì nhiêu. *Câu 66.* Tộc người nào chiếm đa số ở Camphuchia ?

A. Người Môn B. Người Thái C. Người Khơ-me D. Người Kinh

Câu 67. Ý nào **không** phản ánh đúng nét nổi bật của Camphuchia thời kì phát triển nhất từ thế kỉ X-XII ? A. Kinh tế phát triển, là nước mạnh ở Đông Nam Á.

B. Đạt được nhiều thành tựu về văn hóa.

C. Không ngừng mở rộng quyền lực ra bên ngoài.

D. Thiết lập được quan hệ bang giao hòa hiếu với láng giềng.

Câu 68. Đâu **không** phải là nguyên nhân khiến Campuchia suy yếu ?

A. Sự xâm chiếm của người Thái.

B. Sự xâm chiếm của thực dân Pháp.

C. Sự mâu thuẫn giành địa vị trong hoàng tộc.

D. Sự hiếu chiến khiến đất nước hao người, tốn của.

Câu 69. Thế kỉ XIV, Pha Ngừm thống nhất các mường của Lào, đặt tên nước là :

A. Chân Lạp B. Pa-gan C. Lan Xang D. Xiêm

Câu 70. Lào chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa của nước nào ?

A. Trung Quốc B. Ấn Độ C. Việt Nam D. Thái Lan

Câu 71. Đâu là công trình kiến trúc tiêu biểu nhất của Lào ?

A. Ăng-co Vát C. Thánh địa Mỹ Sơn

B. Thạt Luổng D. Chùa Vàng

Câu 72. Ý nào **không** phản ánh đúng đặc điểm nổi bật của Lào trong giai đoạn phát triển thịnh đạt ?

A. Thương nhân nhiều nước đến giao lưu buôn bán.

B. Đất nước có nhiều sản vật quý như thổ cẩm, cánh kiến, ngà voi,…

C. Luôn giữ quan hệ hòa hiếu với các nước láng giềng.

D. Không ngừng mở rộng quyền lực ra bên ngoài.

Câu 73. Đơn vị chính trị, kinh tế cơ bản của chế độ phong kiến phân quyền ở Tây Âu là :

A. Trang trại B. Lãnh địa C. Thành thị D. Lãnh chúa

Câu 74. Tầng lớp nào giữ vai trò là lực lượng sản xuất chính trong xã hội phong kiến Tây Âu ?

A. Nông nô B. Nô lệ C. Người bình dân D. Nông dân công xã

Câu 75. Việc người Giéc-man từ bỏ tôn giáo nguyên thủy, tiếp thu Ki-tô giáo, xây dựng nhà thờ hình thành nên tầng lớp nào ?

A. Qúy tộc vũ sĩ C. Qúy tộc tư sản

B. Quý tộc tăng lữ D. Lãnh chúa phong kiến

Câu 76. Lãnh địa là biểu hiện của chế độ :

A. Phong kiến tập quyền C. Phong kiến phân quyền

B. Dân chủ tư sản D. Dân chủ chủ nô

Câu 77. Ý nào **không** phản ánh đúng biểu hiện của chế độ phong kiến phân quyền ở Tây Âu thời trung đại ?

A. Mỗi lãnh địa là một đơn vị chính trị độc lập.

B. Vua không có quyền can thiệp vào lãnh địa của lãnh chúa lớn.
C. Thực chất vua cũng là một lãnh chúa lớn.
D. Vua chỉ là tổng tư lệnh tối cao về quân đội.

Câu 78. Các phường hội đặt ra phường quy nhằm nhiều mục đích, **ngoại trừ** việc : A. Giữ độc quyền trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.
B. Bảo vệ quyền lợi cho những người cùng ngành nghề.
C. Đấu tranh chống sự sách nhiễu của các lãnh chúa.
D. Đấu tranh vì lợi ích kinh tế, chính trị của các thành viên.

Câu 79. Nhận xét nào sau đây **không** đúng về vai trò của thành thị Tây Âu thời trung đại ? A. Mang không khí tự do, dân chủ, giải phóng nông nô.
B. Góp phần phá vỡ nền kinh tế tự nhiên của các lãnh địa.
C. Mang không khí tự do, dân chủ, mở mang tri thức cho mọi người.
D. Góp phần xóa bỏ chế độ phong kiến phân quyền.

Câu 80. Hai nước đi tiên phong trong các cuộc phát kiến địa lý ở thế kỉ XIV-XV là :
A. Bồ Đào Nha, Anh C. Anh, Pháp
B. Tây Ban Nha, Anh D. Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha

Câu 81. Sau khi đoàn thám hiểm của Ma-gien-lăng vượt qua eo biển ở điểm cực Nam của Nam Mĩ, tiến vào đại dương và vùng biển này được đặt tên là:
A. Ấn Độ Dương C. Đại Tây Dương
B. Thái Bình Dương D. Bắc Băng Dương

Câu 82. Đâu là nguyên nhân sâu xa đưa đến các cuộc phát kiến địa lý ở thế kỉ XIV-XV? A. Giai cấp tư sản ra đời có thế lực về kinh tế và hiểu biết về thế giới.
B. Thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới của con người.
C. Lực lượng sản xuất phát triển, nhu cầu thị trường tăng cao.
D. Con đường giao thương từ Tây Âu sang phương Đông bị phong tỏa.

Câu 83. Đâu là tiền đề quan trọng nhất để thực hiện các cuộc phát kiến địa lý thế kỉ XIV-XV ? A. Ước mơ chinh phục tự nhiên, lòng ham hiểu biết, khám phá của con người.
B. Sự tài trợ về tài chính của chính phủ các nước Tây Âu.
C. Khoa học – kĩ thuật có những bước tiến quan trọng.
D. Thương nhân châu Âu tích lũy được nhiều kinh nghiệm nhờ đi biển.

Câu 84. Đâu **không** phải là tiền đề dẫn đến các cuộc phát kiến địa lý thế kỉ XIV-XV ? A. Các nhà hàng hải hiểu biết nhiều về đại dương.
B. La bàn được sử dụng trong việc định hướng giữa đại dương bao la.
C. Kĩ thuật đóng tàu có những tiến bộ mới.
D. Phát minh đầu máy hơi nước thúc đẩy ngành hàng hải phát triển.

Câu 85. Nhận xét nào **không** đúng về hệ quả của các cuộc phát kiến địa lý thế kỉ XIV-XV ? A. Mở ra những con đường mới, những vùng đất mới, những dân tộc mới.
B. Mở ra quá trình giao thương kinh tế và giao lưu về văn hóa.
C. Đây là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực tư tưởng chống phong kiến lỗi thời.
D. Thúc đẩy quá trình tan rã, khủng hoảng của chế độ phong kiến.

Câu 86. Một trong những ý nghĩa của phong trào văn hóa Phục hưng là : A. Góp phần phá vỡ nền kinh tế tự cung tự cấp.
B. Cổ vũ, mở đường cho văn hóa châu Âu phát triển.

C. Góp phần thống nhất thị trường, quốc gia dân tộc. D. Góp phần tăng cường giao lưu văn hóa giữa các châu lục.

Câu 87. Mục đích quan trọng nhất của giai cấp tư sản trong phong trào văn hóa Phục hưng là : A. Khôi phục tinh hoa văn hóa Hi Lạp – Rô-ma cổ đại.

B. Đề cao giá trị con người, coi trọng quyền tự do cá nhân.

C. Đề cao vai trò của khoa học – kĩ thuật trong việc phát triển kinh tế - xã hội. D. Xây dựng một nền văn hóa mới của giai cấp tư sản.

Câu 88. Giai cấp tư sản ở Tây Âu thời hậu kì trung đại có đặc điểm là: A. Có thế lực về kinh tế C. Có thế lực về kinh tế và chính trị

B. Có thế lực về chính trị D. Giàu có nhưng chưa có quyền lực về chính trị

Câu 89. Đâu là hình thức đấu tranh của giai cấp tư sản trong buổi đầu chống chế độ phong kiến ? A. Đấu tranh đòi tự do phát triển kinh tế thông qua việc thành lập các phường hội.

B. Đấu tranh đòi quyền lợi về chính trị qua việc thành lập các trường đại học.

C. Đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng.

D. Tổ chức khởi nghĩa vũ trang lật đổ chế độ phong kiến.

Câu 90. Đâu là hình thức bóc lột chủ yếu của chế độ phong kiến ?

A. Bóc lột thông qua địa tô C. Bóc lột thông qua tô lao dịch B. Bóc lột thông qua tô hiện vật D. Bóc lột thông qua tô tiền

II. PHẦN TỰ LUẬN

BÀI 3. CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG

1. Điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế

- Sự xuất hiện của công cụ kim loại, con người bước vào thời đại văn minh.
- Những quốc gia cổ đại phương Đông đầu tiên hình thành ở lưu vực các dòng sông lớn vì có đất đai màu mỡ, mưa đều đặn,dễ trồng trọt, thuận lợi cho nghề nông như:
  + Ai Cập: sông Nin
  + Lưỡng Hà: sông Ti gơ rơ và sông Ơ ph rát
  + Ấn Độ: sông Ấn và sông Hằng
  + Trung Quốc: sông Hoàng Hà và Trường Giang.
- Khoảng 3500-2000 năm TCN ,cư dân cổ Tây Á, Ai Cập biết sử dụng đồng thau, công cụ bằng đá, tre và gỗ.
- Cư dân Châu Á và Châu Phi sống bằng nghề nông, mỗi năm hai vụ.
- Họ xây dựng hệ thống thủy lợi, công việc trị thủy khiến mọi người gắn bó với nhau trong tổ chức công xã, ngoài ra còn chăn nuôi, làm đồ gốm, dệt vải.

2. Sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông (khoảng thiên niên kỷ VI-III TCN) ra đời sớm nhất thế giới

Sản xuất phát triển dẫn đến sự phân hóa xã hội, xuất hiện kẻ giàu,người nghèo nên giai cấp và nhà nước ra đời:

+ Thiên niên kỷ thứ IV TCN, trên lưu vực sông Nin, cư dân Ai Cập cổ đại sống tập trung theo từng công xã. khoảng 3200 TCN nhà nước Ai cập thống nhất được thành lập.
+ Các công xã kết hợp thành liên minh công xã , gọi là các "Nôm", khoảng 3200 TCN, một quý tộc có thế lực đã chinh phục được tất cả các "Nôm" thành lập nhà nước Ai cập thống nhất.

+ Ở lưu vực Lưỡng Hà (thiên niên Kỷ IV TCN), hàng chục nước nhỏ người Su me đã hình thành.
+ Trên lưu vực sông Ấn, các quốc gia cổ đại ra đời giữa thiên niên kỷ III TCN.
+ Vương triều nhà Hạ hình thành vào thế kỷ XXI TCN mở đầu cho xã hội có giai cấp và nhà nước Trung Quốc.

3. Xã hội cổ đại phương Đông

- Do nhu cầu thủy lợi, nông dân gắn bó và ràng buộc với nhau trong công xã nông thôn, thành viên trong công xã gọi là nông dân công xã.
- Nông dân công xã đông đảo nhất, là lao động chính trong sản xuất.
- Đứng đầu giai cấp thống trị là vua chuyên chế, quý tộc, quan lại, chủ ruộng, tăng lữ có nhiều quyền thế, giữ chức vụ tôn giáo, quản lý bộ máy và địa phương, rất giàu sang bằng sự bóc lột.
- Nô lệ, thấp nhất trong xã hội, làm việc nặng nhọc, hầu hạ quý tộc.

4. Chế độ chuyên chế cổ đại

- Từ thiên niên kỷ IV đến thiên niên kỷ III TCN, xã hội có giai cấp và nhà nước đã được hình thành ở lưu vực sông Nin, Ti gơ rơ và Ơ phơ rát, sông Ấn, Hằng, Hoàng Hà.
- Xã hội có giai cấp hình thành từ liên minh bộ lạc,do nhu cầu thủy lợi.
- Nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền, đứng đầu là vua.
- Vua dựa vào quý tộc và tôn giáo, bắt mọi người phải phục tùng. Vua chuyên chế – người Ai Cập gọi là *Pha ra ôn* (cái nhà lớn), người Lưỡng hà gọi là *En xi*(người đứng đầu),Trung Quốc gọi là*Thiên Tử* (con trời).
- Giúp việc cho vua là một bộ máy hành chính quan liêu gồm quý tộc, đứng đầu là Vidia (Ai cập), Thừa tướng (Trung quốc), họ thu thuế, xây dựng các công trình như đền tháp, cung điện, đường sá, chỉ huy quân đội.

5. Văn hóa cổ đại phương Đông

a. Sự ra đời của Lịch pháp và Thiên văn học

- Lịch pháp và Thiên văn học ra đời sớm nhất, gắn liền với nhu cầu sản xuất nông nghiệp.
- Họ biết sự chuyển động của của Mặt trời, Mặt trăng -->Thiên văn--> nông lịch.
- Một năm có 365 ngày, chia thành tháng, tuần, ngày, mỗi ngày có 24 giờ.

b. Chữ viết

- Người ta cần ghi chép và lưu giữ nên chữ viết ra đời, đây là phát minh lớn của loài người.
- Ban đầu là chữ tượng hình, sau được cách điệu hóa thành nét để diễn tả ý nghĩa của con người gọi là chữ tượng ý.
- Người Ai Cập viết trên giấy Pa pi rút.
- Người Su me ở Lưỡng Hà dùng cây sậy vót nhọn là bút viết trên những tấm đất sét còn ướt, rồi đem phơi nắng hay nung khô.
- Người Trung Quốc khắc chữ trên xương thú, mai rùa, thẻ tre, dải lụa….

c. *Toán học*

- Ra đời sớm do nhu cầu cuộc sống:
- Ban đầu chữ số là những vạch đơn giản: người Ai Cập cổ đại giỏi về hình học, biết tính số Pi= 3,16
- Tính được diện tích hình tròn, hình tam giác, thể tích hình cầu, người -Lưỡng Hà giỏi về số học; chữ số ngày nay ta dùng kể cả số 0 là công của người Ấn Độ.
- Đã để lại nhiều kinh nghiệm cho đời sau.

d. Kiến trúc

Phát triển phong phú

+ Kim tự tháp Ai Cập, đền tháp ở Ấn Độ, thành Ba bi lon ở Lưỡng hà …
+ Đây là những kỳ tích về sức lao động và tài năng sáng tạo của con người.

BÀI 4 - CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY - HI LẠP VÀ RÔ MA

1. Thiên nhiên và đời sống của con người

- Hy Lạp, Rô ma nằm ở ven biển Địa Trung Hải, nhiều đảo, đất canh tác ít và khô cứng, đã tạo ra những thuận lợi và khó khăn:
  + Thuận lợi:có biển, hải cảng, khí hậu ấm áp, nên giao thông thuận lợi, sớm phát triển nghề hàng hải, ngư nghiệp, thương nghiệp biển.
  + Khó khăn: đất xấu, ít, thích hợp trồng cây lưu niên như nho, ô liu, cam chanh. Lương thực thiếu phải mua lúa mì, lúa mạch của người Ai Cập, Tây Á.
- Khoảng đầu thiên niên kỷ I TCN, cư dân Địa Trung Hải bắt đầu biết chế tạo công cụ bằng sắt, cho phép khai hoang trên diện tích rộng hơn.
- Thủ công nghiệp rất phát đạt, có nhiều ngành nghề, nhiều thợ giỏi, hàng hóa đẹp, chất lượng cao, qui mô lớn.
- Thương nghiệp đường biển rất phát triển, mở rộng buôn bán với mọi miền ven Địa Trung Hải, với các nước phương Đông:
  + Sản phẩm mua về lúa mì, súc vật lông thú (Hắc hải, Ai CẬp); tơ lụa, hương liệu, xa xỉ phẩm từ phương Đông.
  + Đê lốt, Pi rê là trung tâm buôn bán nô lệ lớn của thế giới cổ đại..
  + Thương mại phát đạt,thúc đẩy sự lưu thông tiền tệ (tiền cổ của Rô ma và A ten).
  + Hi Lạp, Rô ma trở thành các quốc gia giàu mạnh.

Như vậy cuộc sống ban đầu của cư dân Địa Trung Hải là: Sớm biết buôn bán, đi biển và trồng trọt.

2. Thị quốc Địa Trung Hải (Thành bang)

Thị quốc: do tình trạng đất đai phân tán nhỏ và cư dân sống bằng nghề thủ công và thương nghiệp nên đã hình thành các thị quốc.

- Tổ chức của thị quốc: Nước thì nhỏ, nghề buôn phát triển nên cư dân tập trung ở thành thị có phố sá, lâu đài đền thờ, sân vận động, nhà hát và bến cảng, ta gọi đó là thị quốc: A ten là thị quốc, đại diện cho cả At tích.
- Tính chất dân chủ của thị quốc: quyền lực không nằm trong tay quí tộc mà nằm trong tay Đại hội công dân. Đại hội công dân bầu và cử ra các cơ quan nhà nước, (không có vua), quyết định mọi công việc nhà nước. *Hội đồng 500* có vai trò như Quốc hội, người ta bầu 10 viên chức điều hành chính phủ, nhiệm kỳ một năm.
- Bản chất của nền dân chủ cổ đại ở Hy Lạp, Rô-ma: Đó là nền dân chủ chủ nô, dựa vào sự bóc lột thậm tệ của chủ nô đối với nô lệ.
- Hi Lạp giàu có nhờ nền kinh tế công thương nghiệp, sử dụng lao động nô lệ. Nô lệ bị bóc lột nên phản kháng chủ nô.
- Đến thế kỷ III trước công nguyên, thị quốc Rô ma lớn mạnh đi xâm chiếm các nước khác, trở thành đế quốc Rô ma. Đế quốc Rô ma thủ tiêu thể chế dân chủ thay bằng một hoàng đế đầu quyền lực như hoàng đế Xê da.

3. Văn hóa cổ đại Hi lạp và Rô ma

- Đồ sắt và sự tiếp xúc với biển đã nâng họ lên trình độ cao hơn về sản xuất và buôn bán trên biển
- Cũng là cơ sở để họ đạt tới trình độ sáng tạo văn hóa cao hơn trước.

a. Lịch và chữ viết

*** Lịch**

Người Hy Lạp có hiểu biết chính xác hơn về trái đất và hệ mặt trời, người Rô ma tính một năm là 365 ngày ¼, định ra một tháng lần lượt có 30 và 31 ngày, riêng tháng hai có 28 ngày, rất gần với hiểu biết ngày nay.

*** Chữ viết**

- Sáng tạo ra chữ viết gồm ký hiệu đơn giản, có khả năng ghép chữ rất linh hoạt thành từ để thể hiện ý nghĩa của con người.

- Hệ thống chữ cái Rô ma tức A, B, C …. ra đời, ban đầu gồm 20 chữ, sau thêm 6 chữ. Đây là một phát minh và cống hiến lớn lao cho nhân loại.

b. Sự ra đời của khoa học

Đến thời cổ đại Hy lạp - Rô ma, những hiểu biết khoa học mới thực sự trở thành khoa học vì có độ chính xác của khoa học đạt tới trình độ khái quát thành định lý, lý thuyết và nó được thực hiện bởi các nhà khoa học có tên tuổi, đặt nền móng cho ngành khoa học đó.

+ Toán học: người Hi Lạp vượt lên trên như Thales, Py tha gor, Euclid..
+ Vật Lý: có Archimède.
+ Sử học: vượt qua sự ghi chép tản mạn, họ biết tập hợp tài liệu, phân tích và trình bày có hệ thống: Hê rô đốt, Tu si đi, Ta sít.

c. Văn học:

- Ở Hy lạp, sau bản anh hùng ca nổi tiếng của Hô me là I li át và Ô đi xê, đã xuất hiện những nhà văn có tên tuổi như Etxin, Sô phốc, Bripít.
- Người Rô ma tự nhận là học trò và người thừa kế của văn học - nghệ thuật. Hy lạp, nhà thơ nổi tiếng như Lu cre xơ, Viếc gin..

d. Nghệ thuật

- Hy lạp để lại nhiều tượng và đền đài đạt trình độ tuyệt mỹ, khiến đời sau khâm phục: người lực sĩ ném đĩa, tượng nữ thần A tê na đội mũ chiến binh, thần Vệ nữ Mi lô…
- Kiến trúc: đền Pác tê nông ở A ten (Hi lạp), đấu trường Cô li dê ở Rô ma.

Bài 9. VƯƠNG QUỐC CAM PU CHIA VÀ VƯƠNG QUỐC LÀO

1. Vương quốc Cam pu chia

- ĐIều kiện tự nhiên: như một lòng chảo khổng lồ, rừng và cao nguyên bao bọc, xung quanh đáy chảo là Biển Hồ, vùng phụ cận với những cánh đồng
- Cư dân bản địa: tộc người chiếm đa số là Khơ-me
- Nền kinh tế chính: nông nghiệp
- Thời gian thành lập: thế kỉ VI (Ăng Ko: IX – XV)
- Biểu hiện thịnh đạt:

+ Nông nghiệp, ngư nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp phát triển
+ Các vua không ngừng mở rộng quyền lực của mình bằng chinh chiến
+ Xây dựng các công trình văn hóa lớn

**** Văn hóa***: rất độc đáo

- Có chữ viết riêng từ chữ Phạn.
- Văn học dân gian và văn học viết phản ánh tình cảm của con người đối với thiên nhiên, con người.
- Kiến trúc Hin đu giáo và kiến trúc Phật giáo:quần thể Ang co Vát và Ang co Thom.

4. Vương quốc Lào

- Điều kiện tự nhiên: gắn liền với sống Mê Công. Sông Mê Công vừa là nguồn tài nguyên thủy văn dồi dào, trục giao thông của đất nước, vừa là yếu tố của sự thống nhất Lào

- Về địa lí: là quốc gia duy nhất của Đông Nam Á không có biển

- Nền kinh tế chính: nông nghiệp, thủ công nghiệp, ngư nghiệp

- Thời gian thành lập giữa thế kỉ XIV (1353) gắn với Phà Ngừm

- Biểu hiện thịnh đạt: thế kỉ XV – XVIII, chia đất nước thành các mường, đặt quan cai trị, xây dựng quân đội do vua chỉ huy. Giữ quan hệ hòa hiệp quyết tâm chống quân xâm lược để bảo vệ đất nước

- Văn hóa:

+ Có hệ thống chữ viết riêng

+ Kiến trúc điển hình là Thạt Luổng

+ Tôn giáo: Hin-đu, Phật giáo

B. *TỰ LUẬN*

BÀI 5 - TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

1. Trung Quốc thời Tần - Hán

Thời cổ đại, trên lưu vực sông Hoàng Hà và Trường Giang có nhiều quốc gia nhỏ của người Trung Quốc thường gây chiến tranh và thôn tính lẫn nhau

**** Thời Tần: 221 TCN -206 TCN***

- Đầu thế kỷ IV TCN, Tần lần lượt tiêu diệt các đối thủ, năm 221 TCN Tần thống nhất Trung Quốc.
- Vua Tần xưng là Tần Thủy Hoàng có quyền hành tuyệt đối, bắt tay vào việc xây dựng chính quyền.
- Chia đất nước thành quận huyện, cử quan Thái thú (ở quận) và Huyện lệnh (ở huyện). Thừa tướng đứng đầu quan văn, Thái úy đứng đầu quan võ.
- Có lực lượng quân sự lớn mạnh để duy trì trật tự xã hội, trấn áp các cuộc nổi dậy, tiến hành chiến tranh xâm lược.
- Nhà Tần tồn tại 15 năm, Lưu Bang lên ngôi lập ra nhà Hán.

**** Nhà Hán: 206 TCN - 220***

- Tiếp tục củng cố bộ máy cai trị, mở rộng hình thức tiến cử.
- Nhà Tần và nhà Hán chiếm vùng thượng lưu sông Hoàng, thôn tính Trường Giang, chiếm phía đông Thiên Sơn, xâm lược Triều Tiên và đất đai của người Việt cổ.

2. Sự phát triển chế độ phong kiến thời Đường

Sau mấy thế kỷ rối ren, Lý Uyên dẹp tan được phe đối lập, đàn áp khởi nghĩa, lên ngôi hoàng đế lập ra nhà Đường (618- 907).

Chế độ phong kiến thời Đường đạt đến đỉnh cao :

**** Kinh tế phát triển toàn diện:***

+ Thực hiện chế độ quân điền, nông dân thực hiện chế độ nghĩa vụ cho nhà nước theo chế độ tô, dung, điệu.
+ Thủ công nghiệp phát triển, các xưởng thủ công gọi là tác phường như luyện sắt, đóng thuyền….
+ Thương nghiệp thịnh đạt, con đường tơ lụa trên đất liền và trên biển được thiết lập, mở rộng.

**** Chính trị :*** bộ máy cai trị phong kiến hoàn chỉnh: cử người thân tín cai quản địa phương; cử người trong họ hay công thần giữ chức Tiết độ sứ, trấn ải biên cương mở khoa thi chọn người ra làm quan.

**** Tiếp tục chính sách xâm lược:*** chiếm Nội Mông, Tây vực, xâm lược Triều Tiên, củng cố chế độ đô hộ ở An Nam, ép Tây Tạng phải thần phục. Nhà Đường trở thành một đế quốc phong kiến phát triển nhất.

**** Đến cuối thời Đường***, mâu thuẫn xã hội gay gắt. Năm 874, khởi nghĩa Hoàng Sào nổ ra, nhà Đường bị lật đổ, Trung Quốc lại hỗn loạn nhưng Triệu Khuông Dẫn tiêu diệt các thế lực phong

kiến khác lập ra nhà Tống năm 960. Đến cuối thế kỷ XIII cả hai nước Kim và Nam Tống bị Mông Cổ tiêu diệt.

3. Trung Quốc Thời Minh, Thanh

- Đầu thế kỷ XIII, trên thảo nguyên Mông Cổ, một nhà nước phong kiến chuyên chế quân sự do Thành Cát Tư Hãn làm vua.
- Năm 1271 Khu bi Lai (Hốt Tất Liệt) diệt nhà Tống, lên ngôi Hoàng đế, lập triều Nguyên (1271-1368): thực hiện chính sách áp bức, chia rẽ các dân tộc, nhân dân Trung Quốc đứng lên lật đổ nhà Nguyên.
- Năm 1368 Chu Nguyên Chương lên ngôi Hoàng đế ở Nam Kinh lập ra nhà Minh (1368-1644):
  + Khôi phục và phát triển kinh tế, mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện (có những công trường thủ công lớn ở Giang Tây - đồ gốm Cảnh Đức; xưởng dệt; nhà buôn lớn; thành thị nhiều như Bắc Kinh, Nam kinh.
  + Năm 1380 bỏ chức Thừa tướng, Thái úy thay vào đó là các Thượng Thư phụ trách các bộ (6 bộ: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công), hoàn chỉnh bộ máy quan lại.
  + Hoàng đế tập trung mọi quyền hành, trực tiếp nắm quân đội.
  + Cuối thời Minh mâu thuẫn xã hội gay gắt. Nông dân khởi nghĩa (Lý Tự Thành làm cho triều Minh sụp đổ.

* Giữa lúc đó một bộ tộc ở phương Bắc Trung Quốc là Mãn Thanh kéo vào đánh bại Lý Tự Thành lập ra **nhà Thanh (1644-1911).**

+ Nhà Thanh thi hành chính sách áp bức dân tộc, người Trung Quốc phải theo phong tục của người Mãn. Cơ quan phong kiến mang tính chuyên chế cao độ.
+ Do chính sách áp bức bóc lột của nhà Thanh nông dân lại khởi nghĩa, lợi dụng nhà Thanh suy yếu, bọn tư bản phương Tây dòm ngó, xâm lược Trung Quốc.

4. Văn hóa Trung Quốc thời phong kiến: đạt nhiều thành tựu rực rỡ

a. Tư tưởng tôn giáo

- *Tư tưởng Nho giáo* giữ vai trò quan trọng, là công cụ sắc bén phục vụ cho nhà nước phong kiến tập quyền .
- *Phật giáo* thịnh hành nhất vào thời Đường, Bắc Tống cho xây nhiều chùa, tạc tượng, in kinh …

b. Sử học

- *Bộ Sử ký* của Tư Mã Thiên rất nổi tiếng, thời Đường có cơ quan chép sử là Sử quán ..

c. Văn học

- *Thơ Đường* đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật Lý Bạch, Đỗ Phủ,Bạch Cư Dị .
- *Tiểu thuyết* phát triển dưới thời Minh,Thanh, nhiều tác phẩm nổi tiếng như:
  + Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung.
  + Thủy Hử của Thị Nại Am.
  + Tây Du Ký của Ngô Thừa An.
  + Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần.

d. Toán học

- Cửu chương toán thuật (Hán) tính diện tích và khối lượng khác nhau .

e. *Thiên văn học*:

Nông lịch phục vụ cho sản xuất; địa động nghi để đo động đất .

f. *Y dược:*

Đạt nhiều thành tựu quan trọng: thầy thuốc Hoa Đà (Hán) dùng phẫu thuật để chữa bệnh; sách thuốc Bản thảo cương mục của Lý Thời Trân .

g. *Kỹ thuật*:

Có 4 phát minh quan trọng: giấy, kỹ thuật in, la bàn, thuốc súng .

h. Kiến trúc

Có nhiều công trình kiến trúc đặc sắc : Vạn lý trường thành, Tử cấm Thành,Tượng phật bằng ngọc thạch … còn được lưu giữ đến ngày nay.

Sơ đồ quan hệ bóc lột:

BÀI 7 – SỰ PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ VÀ NỀN VĂN HÓA ĐA DẠNG CỦA ẤN ĐỘ

So sánh sự giống và khác nhau giữa vương triều Hồi giáo Đê-li và vương triều Mô-gôn ở Ấn Độ thời phong kiến?

*** Giống nhau:** đều là các vương triều phong kiến ngoại bang, góp phần làm đa dạng, phong phú nền văn hóa Ấn Độ.

*** Khác nhau:**

Vương triều Hồi giáo Đê-li	Vương triều Mô-gôn
a. Sự thành lập: Năm 1206 người Hồi giáo xâm chiếm Ấn Độ, lập nên vương triều Hồi giáo, đóng đô ở Đê-li (1206 - 1526) ***b. Chính sách cai trị:*** - Truyền bá, áp đặt Hồi giáo - Tự giành quyền ưu tiên ruộng đất và địa vị quan lại cho người Hồi giáo. - Thực hiện chính sách mềm mỏng, nhưng lại phân biệt tôn giáo, sắc tộc. - Văn hoá Hồi giáo được du nhập và Ấn Độ. - Xây dựng một số công trình mang dấu ấn	***a. Sự thành lập:*** - Năm 1398 thủ lĩnh - vua Ti-mua Leng theo dòng dõi Mông cổ tấn công vào Ấn Độ. - Đến năm 1526 lập ra Vương triều Mô-gôn (1256 -1707) ***b. Chính sách cai trị:*** - Thời vua A-cơ-ba nhanh chóng ổn định xã hội và thi hành một số chính sách tích cực : + Xây dựng 1 chính quyền mạnh trên sự liên kết tầng lớp quí tộc … + Xây dựng khối hòa hợp dân tộc. + Đo đạc lại ruộng đất, định mức thuế hợp lý, thống nhất đơn vị đo lường....

kiến trúc Hồi giáo. ***c. Vị trí:*** Bước đầu tạo ra sự giao lưu văn hoá Đông - Tây. Đạo Hồi được truyền bá đến một nước ở Đông Nam Á.	+ Khuyến khích hoạt động sáng tạo văn hóa. ***c. Vị trí:*** Đưa Ấn Độ phát triển thịnh vượng, đạt đến đỉnh cao thời phong kiến.

BÀI 10 - THỜI KỲ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN TÂY ÂU (Từ thế kỷ V đến thế kỷ XIV)

I. Sự hình thành các vương quốc phong kiến Tây Âu

- Từ thế kỷ III, đế quốc Rô ma lâm vào tình trạng khủng hoảng suy vong, giữa lúc ấy người Giéc man từ phương Nam tràn xuống xâm chiếm.
- Năm 476, đế quốc Rô ma bị diệt vong, chế độ chiếm hữu nô lệ kết thúc, thời đại phong kiến bắt đầu ở châu Âu.
- Khi vào lãnh thổ của Rô ma, người Giéc-man đã:
  + Thủ tiêu bộ máy nhà nước Rô ma, lập nhiều vương quốc mới như vương quốc Ang lô-Xắc xông, Phơ răng, Tây Gốt, Đông Gốt.
  + Chủ đất của chủ nô cũ được chia cho quý tộc và tướng lĩnh quân sự.
  + Tự phong các tước vị, hình thành tầng lớp quý tộc.
  + Ki tô giáo dần dần có vai trò và có ưu thế trong đời sống nhân dân.
  + Tầng lớp quý tộc và tăng lữ được hình thành có đặc quyền và giàu có, trở thành các lãnh chúa phong kiến, còn nô lệ và nông dân biến thành nông nô phụ thuộc lãnh chúa.Quan hệ sản xuất phong kiến Châu Âu hình thành.

2. Xã hội phong kiến Tây Âu

a. Sự hình thành

- Đến giữa thế kỷ IX, phần lớn đất đai đã được quý tộc và nhà thờ chia nhau chiếm đoạt xong gọi là lãnh địa phong kiến, đây là thời kỳ phân quyền.
- Chủ của lãnh địa gọi là lãnh chúa.
- Lãnh địa gồm đất của lãnh chúa và đất khẩu phần.
- Người sản xuất chính là nông nô, nô lệ phụ thuộc vào lãnh chúa, phải nộp tô phục dịch, cung đốn cho lãnh chúa, bị bóc lột họ đã vùng lên đấu tranh.

b. Sự phát triển và đặc điểm kinh tế

* Kỹ thuật canh tác tiến bộ.
* Quan hệ sản xuất phong kiến: lãnh chúa bóc lột nông nô.
* Kinh tế tự cung tự cấp.

- Mỗi lãnh địa là một đơn vị độc lập, chế độ phong kiến phân quyền.
- Các lãnh chúa sống nhàn rỗi, xa hoa, họ bóc lột tô thuế và sức lao động của nông nô.Nông nô nổi dậy đấu tranh như khởi nghĩa Giắc cơ ri ở Pháp năm 1358..

3. Sự xuất hiện thành thị trung đại

- Do sản xuất phát triển từ thế kỷ XI, nên xuất hiện tiền đề nền kinh tế hàng hóa .
- Năng suất lao động tăng tạo ra nhiều sản phẩm thừa.
- Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp, và tách khỏi lãnh địa, hàng hóa bán ra thị trường một cách tự do, thường tập trung ở nơi đông người, các ngã ba đường, bến sông để buôn bán trao đổi, lập ra thị trấn, sao trở thành thành thị.
- Trong thành thị có các thương hội và phường hội.

- Sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp trong thành thị đã phá vỡ nền kinh tế tự nhiên của các lãnh địa, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hóa phát triển.
-Thành thị đã xóa bỏ chế độ phong kiến phân quyền, xây dựng chế độ phong kiến tập quyền, thống nhất quốc gia dân tộc.
- Mang không khí tự do, mở mang trí thức, các trường đại học ra đời như Bô lô nha (Ý). O- xphớt (Anh), Xooc – bon (Pháp).

Bài 11 - TÂY ÂU THỜI HẬU KỲ TRUNG ĐẠI

1. NHỮNG CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ

**** Nguyên nhân:***

- Sản xuất phát triển, nhu cầu cần nguyên liệu, thị trường, vàng bạc tăng lên.
- Con đường bộ buôn bán qua Tây Á và Địa Trung Hải do người Ả rập độc chiếm.
- Khoa học- kỹ thuật phát triển (Hải đồ, la bàn, tàu có bánh lái và hệ thống buồm lớn).

Loại tàu do người Bồ Đào Nha chế tạo năm 1460, có bánh lái, lắp 3 cột buồm lớn. Cánh buồm của tàu hình vuông hoặc tam giác màu trắng. Trên boong tàu có lắp đại bác để chống cướp biển. Đuôi tàu trang bị 1 trục giữ bánh lái, có thể quay quanh bản lề, thay cho bánh lái mái chèo cổ xưa từ thế kỉ XII. Trên tàu có la bàn định hướng, đồng hồ cát bằng thủy tinh để đo thời gian và ước lượng kinh độ => có khả năng vượt đại dương.

****Những cuộc phát kiến địa lý lớn***

- B. Đi a xơ (1487): vòng qua cực nam Châu Phi đến mũi Hảo Vọng.
- Cô lôm bô (1492) đến một số đảo biển Ca ri bê đã phát hiện ra Châu Mỹ.
- Va x- cô đơ Gama (1497) đến bờ Tây nam Ấn Độ.
- Ma gien lan (1519-1522) vòng quanh thế giới.

Nhà thám hiểm người Bồ Đào Nha dẫn đầu chuyến hành trình vòng quanh thế giới đầu tiên bằng đường biển cho Tây Ban Nha. Ông phát hiện ra eo biển Magellan. Ông bị giết chết ở Philippines năm 1521 và chuyến hành trình của được Sebastian del Cano (hoặc Elcano).

2. Sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản Châu Âu

- Sau các cuộc phát kiến địa lý, quý tộc và thương nhân Châu Âu ra sức cướp bóc của cải, tài nguyên các nước Á, Phi, Mỹ La Tinh.
- Giai cấp tư sản tích lũy được số vốn đầu tiên bằng sự cướp bóc thực dân,cướp đất của nông dân, nông dân phải làm thuê cho giai cấp tư sản.
- Xuất hiện hình thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa: công trường thủ công, các công ty thương mại.
  + Công trường thủ công, trong đó có sự phân công lao động, chuyên môn hóa theo dây chuyền sản xuất, quan hệ chủ thợ. Chủ kiếm nhiều lợi nhuận, thợ bị bóc lột.quan hệ sản xuất TBCN hình thành.
  + Ở nông thôn đồn điền hay trang trại xuất hiện, công nhân nông nghiệp làm công ăn lương.
  + Thương nghiệp xuất hiện công ty thương mại.
- Xã hội Tây Âu có biến đổi:
  + Giai cấp tư sản có thế lực kinh tế song chưa có địa vị kinh tế tương xứng.
  + Người làm thuê trở thàng giai cấp vô sản.

3. Phong trào Văn hóa Phục hưng

Phục hưng tinh hoa của nền văn hóa cổ Hi Lạp – Rô ma và sáng tạo nền văn hóa mới của giai cấp tư sản.

Đặc điểm:

- Phê phán giáo hội phong kiến và giáo hội.Đề cao giá trị con người,đòi quyền tự do cá nhân, coi trọng khoa học- kỹ thuật.

- Quê hương phong trào Văn hóa Hưng là l –ta- li- a và lan nhanh sang các nước Tây Âu:
  + Ra bơ le là nhà văn và Bác sĩ.
  + Đê các tơ là nhà toán học và triết học.
  + Lê ô na đơ Vanh xi là họa sĩ, kỹ sư.
  + Sếch – xpia là nhà soạn kịch.

Đây là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lãnh vực văn hóa tư tưởng của giai cấp tư sản chống giai cấp phong kiến đã suy tàn.

4. Cải cách tôn giáo và chiến tranh nông dân

a. Cải cách tôn giáo

**** Nguyên nhân***

- Ky tô giáo là chỗ dựa vững chắc của chế độ phong kiến Tây Âu, thống trị và chi phối đời sống tinh thần của xã hội Châu Âu.
- Nước Đức là nơi đầu tiên nổ ra phong trào cải cách tôn giáo: Lu thơ (1483-1546) tại Đức ; Can-vanh (1509-1564) tại Thụy Sĩ , sau đó lan nhanh sang Bỉ, Hà Lan, Pháp, Anh.

**** Nội dung:*** cải cách: bãi bỏ thủ tục và lễ nghi phiền toái, được đông đảo nhân dân đi theo.

**** Tác dụng:*** thúc đẩy và châm ngòi cho các cuộc khởi nghĩa nông dân, tôn giáo bị phân hóa thành Tân giáo và Cựu giáo.

Đây là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lãnh vực văn hóa tư tưởng của giai cấp tư sản chống giai cấp phong kiến đã suy tàn.

b. Chiến tranh nông dân Đức

**** Nguyên nhân***

- Kinh tế thấp kém, chế độ phong kiến bảo thủ.
- Người nông dân bị áp bức bóc lột nặng nề.
- Mâu thuẫn giữa nông dân và quí tộc phát triển đến đỉnh cao.

**** Diễn biến:***

- Lãnh tụ kiệt xuất là Tô -mát Muyn-xe: lên án gay gắt sự hủ bại của giáo hội, lên án chế độ bóc lột phong kiến, kêu gọi nông dân nổi dậy chống áp bức, tuyên truyền và xây dựng một xã hội bình đẳng cho mọi người.
- Bước đầu giành thắng lợi, nhưng cuối cùng bị đàn áp nên thất bại.

**** Ý nghĩa:*** thể hiện tinh thần đấu tranh quyết liệt và khí phách anh hùng của quần chúng bị áp bức.